TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2021/HS-ST
Ngày: 23 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Giang
2. Bà Đinh Thanh Hoàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn, thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Quyết, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Quang T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1987, tại huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Tổ dân số 4, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Sinh T1 và bà Nguyễn Thị K1; Vợ là Phạm Thu H1 (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 27/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại anh: Doãn Mạnh D, sinh năm 1975. Trú tại: Khu 8 phường Vành Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thu T2, sinh năm 1994. Trú tại khu 1 phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2/ Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1992. Trú tại Khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

* Người làm chứng: Anh Lê Văn V, Lê Văn T2. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết từ trước, trưa ngày 11/8/2017, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 20F1-149.25 đến phòng trọ của Đỗ Quang T ở khu 3, phường H chơi, tại đây T biết anh D sẽ về quê vài ngày nên đã hỏi mượn xe của anh D để sử dụng thì được anh D đồng ý và tin tưởng giao cho T giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô trên. Sau khi mượn xe của anh D, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe trên mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Với ý định đó, ngày 17/8/2017 T mang xe mô tô và giấy tờ xe đến cửa hàng cầm đồ Hữu Thành ở khu 3, phường H cầm cố lấy 6.000.000 đồng. Số tiền cầm cố xe T sử dụng tiêu xài cá nhân và dùng 1.150.000 đồng mang đi đánh bạc dưới hình thức "đánh lô" với một người phụ nữ không quen biết nhưng bị thua hết tiền. Đến ngày 19/8/2017, anh D tìm T để lấy xe thì được biết T đã mang xe đi cầm cố và T hứa hẹn chuộc xe trả lại cho anh D. Do chiếc xe trên anh D mượn của cháu ruột là chị Nguyễn Thu T2 nên T đã viết giấy mượn xe cam kết đến ngày 22/8/2017 sẽ chuộc xe trả lại cho chị T2 và anh D. Đến ngày hẹn, do đã tiêu xài hết tiền không có khả năng chuộc lại xe nên T đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh và không trả xe như đã hứa hẹn trước đó. Đến ngày 11/9/2017, anh D đến Công an phường H, thành phố M trình báo.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M đã khởi tố vụ án, bị can đối với Đỗ Quang T, đồng thời truy nã đối với T do bỏ trốn. Đến ngày 27/9/2021, khi T đang lẩn trốn tại phường A, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an phường A phát hiện, bắt giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số 1348 ngày 16/10/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố M kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 20F1-149.25 trị giá: 13.650.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 143/CT-VKSMC ngày 30 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo Đỗ Quang T về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

* Người bị hại anh Doãn Mạnh D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T2, người làm chứng anh Lê Văn V vắng mặt có lời khai tại Cơ quan Điều tra xác nhận: Ngày 11/8/2021, tại nhà trọ của T thuộc khu 3, phường H, thành phố M, anh Doãn Mạnh D có cho Đỗ Quang T mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc biển kiểm soát 20F1- 149.25 để đi lại, nhưng sau đó T đã đem chiếc xe máy của anh D cầm cố, đến ngày hẹn không trả được xe, T đã bỏ trốn và không liên lạc được

*Anh Đoàn Văn Q vắng mặt có lời khai xác nhận: Ngày 17/8/2017 anh có được nhân viên là anh Lê Văn T2 có báo cáo có nhận cầm đồ của một thanh niên tên Đỗ Quang T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc biển kiểm soát 20F1- 149.25

lấy 6000.000 đồng, anh đã giao chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Công an và yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140; Điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Đỗ Quang T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Quang T phải trả lại cho anh Đoàn Văn Quyết số tiền 6.000.000 đồng.

Về vật chứng: Chiếc xe máy đã được Cơ quan Điều tra xử lý trả lại cho người bị hại nên không xét. 01 giấy phép lái xe thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo, không tranh luận gì với nội dung của bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 17/8/2017, tại khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, lợi dụng lòng tin của anh D cho mượn xe mô tô để sử dụng, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 20F1-149.25 trị giá 13.650.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) rồi bỏ trốn.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân là quyền được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là những người đã trưởng thành mặc dù nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do để có tiền tiêu xài cho bản thân nên bị cáo thực hiện hành vi đó đến cùng. Thời điểm phạm tội của bị cáo khi Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành nên hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành của tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật

[5] Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội có thời hạn mới có tác dụng cải tạo bị cáo.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được trả lại tài sản không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không xét. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn Q đề nghị bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng do bị cáo cầm xe máy tại cửa hàng anh, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Quyết là có cơ sở và đúng pháp luật nên chấp nhận yêu cầu.

[9] Về vật chứng: Chiếc xe máy biển kiểm soát 20F1-149.25, Cơ quan Điều tra Công an thành phố M đã xử lý trả lại cho người bị hại nên không xét. 01 giấy phép lái xe mang tên Đỗ Quang T là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về hành vi cầm cố chiếc xe máy của Lê Văn T2, khi cầm cố T2 không biết bị cáo do phạm tội mà có nên không xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang T phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; Điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 27/9/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Đỗ Quang T phải trả lại cho anh Đoàn Quang Q số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Quang T 01 giấy phép lái xe mang tên Đỗ Quang T (Tòa án có trách nhiệm trả cho bị cáo)

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Áp dụng: Khoản 1,4 Điều 331, khoản 1,3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TPMC
- Cq Điều tra TPMC;
- Cq Thi hành án HSTPMC
- Trại tạm giam (nơi bị cáo giam giữ)
- Thi hành án HS
- Cơ quan THADS
- Bị cáo; người có QLNVLQ, bị hại
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thu Nga